TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 8 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Tân

Bà Vũ Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **A**, sinh năm 1988, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.

2. Bị đơn: Anh **B**, sinh năm 1969, (vắng mặt).

Địa chỉ: Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, chị A trình bày: Chị và anh B tự nguyện ký kết, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu, ngày 27/6/2022 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn Số 07. Sau khi kết hôn chị và anh B chung sống với nhau 04 ngày, sau đó đầu tháng 7/2022 anh B trở về Hàn Quốc sinh sống cho đến nay. Thời gian đầu anh B có làm thủ tục bảo lãnh chị sang Hàn Quốc đoàn tụ, nhưng sau đó anh B điện thoại nói anh bị bệnh trầm cảm, không muốn chị sang Hàn Quốc sẽ khổ và nói chị làm thủ tục ly hôn. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị xác định không có và không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh B, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, tuy nhiên không nhận được kết quả. Sau đó, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thủ tục yêu cầu Ban Đối ngoại – Đài Tiếng nói Việt Nam đăng tin thông báo trên sóng Ban Đối ngoại (VOV5) 03 lần trong 03 ngày liên tiếp về thời gian mở phiên tòa xét xử. Ngày 06/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được văn bản xác nhận về việc Ban Đối ngoại - Đài Tiếng nói Việt Nam đã đăng tin thông báo cho anh B. Tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa, anh B vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Chị A và anh B Gu tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu ngày 27/6/2022 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn Số 07 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị A và anh B sống chung với nhau được một thời gian ngắn, hiện nay không còn tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ. Nay chị A yêu cầu được ly hôn với anh B nên giải quyết cho anh chị ly hôn là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh B; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh B có địa chỉ: Hàn Quốc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh B sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp đối với anh B theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời Tòa án đã tiến hành thủ tục yêu cầu Ban Đối ngoại – Đài Tiếng nói Việt Nam đăng tin thông báo trên sóng Ban Đối ngoại (VOV5) 03 lần trong 03 ngày liên tiếp về thời gian mở phiên tòa xét xử, nhưng anh B không về Việt Nam

tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt chị A và anh B.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân, theo giấy chứng nhận kết hôn Số 07 ngày 27/6/2022, do Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn, thể hiện chị A và anh B kết hôn có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân của chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị A có cơ sở xác định, sau khi kết hôn chị A và anh B chỉ chung sống với nhau trong một thời gian ngắn (bốn ngày), sau đó anh B về Hàn Quốc sinh sống đến nay. Chị A xác định vợ chồng mỗi người ở một nơi, không thể đoàn tụ được và vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên chị A yêu cầu ly hôn với anh B.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*", theo đó thì giữa chị A và anh B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện nay chị A và anh B không còn liên lạc với nhau, chị A đang sinh sống tại Việt Nam, còn anh B sinh sống tại Hàn Quốc nên hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nơi không thể đoàn tụ được. Do đó, căn cứ Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh B là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2.3] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[4.2] Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị A phải chịu 200.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[4.3] Chi phí tiến hành thủ tục đăng tin thông báo trên sóng Ban Đối ngoại (VOV5) 03 lần trong 03 ngày liên tiếp về thời gian mở phiên tòa số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), chị A phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, các điều 273, 280, 469, 474, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A đối với anh B.

Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị A phải chịu 300.000 đồng, chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0000270 ngày 27 tháng 10 năm 2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3.2. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị A phải chịu 200.000 đồng chị A đã nộp tạm ứng số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0000098 ngày 07 tháng 11 năm 2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu lệ phí.

3.3 Chi phí đăng tin thông báo: Chị A phải chịu số tiền 2.000.000 đồng, (hai triệu đồng) chị A đã nộp đủ.

Chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện O;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Thu Hương